

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 237/2020/DS-PT

Ngày: 19/8/2020

V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự đặt
cọc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Vạng

Ông Sỹ Danh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Tấn Tài - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2020/TLPT-DS ngày 18 tháng 6 năm 2020 về “tranh chấp Hợp đồng dân sự đặt cọc”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 327/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim Ng, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Ấp 3, xã B, huyện C, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Dương Nhật Đ, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp 5, xã Đ, huyện T, Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 06/8/2020).

2. *Bị đơn:* Trịnh Đức H, sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp 3, xã L, huyện T, Đồng Tháp.

3. *Người kháng cáo:* Ông Trịnh Đức H, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Anh Dương Nhật Đ đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Ng trình bày:

Vào ngày 19/8/2019 (Dương lịch), qua giới thiệu của bà Ng1 (Người quen của bà Ng), nên anh H có thỏa thuận chuyển nhượng cho bà Ng phần đất thuộc thửa số 304, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại thị trấn M, huyện T, Đồng Tháp, giá 2.570.000.000 đồng, cùng ngày thì bà Ng đã đặt cọc trước cho anh H số tiền là 200.000.000 đồng (Có làm biên nhận nhận tiền và hợp đồng đặt cọc cùng ngày 19/8/2019). Khi đặt cọc xong thì anh H nói giấy chứng nhận QSDĐ đang thế chấp Ngân hàng, anh H sẽ trả nợ cho Ngân hàng lấy giấy chứng nhận QSDĐ ra và yêu cầu bà Ng đưa cho anh H giấy CMND và sổ hộ khẩu của bà Ng để anh H làm thủ tục chuyển nhượng. Tuy nhiên, trong thời gian này thì bà Ng phát hiện ra phần đất trên không phải của anh H, qua tìm hiểu thì phần đất trên do bà Nguyễn Ngọc Kiều Tr đứng tên và hiện nay bà Tr đã chuyển nhượng phần đất này lại cho bà Nguyễn Thị Anh Th (Hợp đồng chuyển nhượng ngày 22/8/2019). Như vậy, rõ ràng anh H đã cố tình lừa gạt bà Ng vì phần đất trên không phải của anh H. Nay bà Ng yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc ngày 19/8/2019 giữa bà Ng và anh H, buộc anh H có nghĩa vụ trả lại cho bà Ng số tiền đặt cọc đã nhận là 200.000.000 đồng.

- Bị đơn anh Trịnh Đức H trình bày:

Thông qua bà Ng1 nên anh mới biết được bà Ng, trước ngày 19/8/2019 khoảng 2-3 ngày, anh có dẫn bà Ng1, bà Ng đi xem phần đất của anh thuộc thửa số 304, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại thị trấn M, huyện T, Đồng Tháp. Sau khi xem đất xong thì bà Ng thống nhất sẽ nhận chuyển nhượng phần đất trên với giá 2.570.000.000 đồng, khi đó bà Ng có hỏi phần đất anh đứng tên hay người khác đứng tên thì anh có nói phần đất này hiện nay do đưa em gái đứng tên, khi anh yêu cầu làm thủ tục chuyển nhượng thì người này sẽ đứng ra làm thủ tục sang tên qua cho bà Ng (bà Ng1 có chứng kiến và biết việc này). Đến ngày 19/8/2019, tại nhà của bà Ng, hai bên làm hợp đồng đặt cọc, khi đó bà Ng đưa cọc trước cho anh 200.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng đặt cọc xong thì hai bên thỏa thuận miệng trong vòng 10 ngày (Kể từ ngày 19/8/2019) hai bên sẽ làm hợp đồng chuyển nhượng có công chứng, sau đó hai bên thống nhất (miệng) là hẹn sẽ ký hợp đồng chuyển nhượng có công chứng vào ngày 22/8/2019. Đến ngày 21/8/2019, thì vợ chồng bà Ng có yêu cầu anh dẫn vào phần đất trên, sau khi đi xem đất lại thì ông B là chồng bà Ng nói phần đất này không tách ra thành nhiều thửa khác nên

không đồng ý nhận chuyển nhượng tiếp và bà Ng yêu cầu anh trả cọc lại thì anh không đồng ý. Phía bà Ng cho rằng phần đất trên không phải của anh là sai, nguồn gốc phần đất này là của chị Nguyễn Ngọc Kiều Tr, anh đã nhận chuyển nhượng ngày 08/8/2019 với giá 2.370.000.000 đồng, anh đã thanh toán tiền xong cho chị Tr nhưng do chị Tr đang thế chấp giấy đất này tại Ngân hàng nên chưa làm thủ tục sang tên qua cho anh đứng tên. Khi làm hợp đồng nhận chuyển nhượng từ chị Tr thì hai bên có thỏa thuận trong hợp đồng là anh được quyền chuyển nhượng phần đất này lại cho người thứ ba. Ngày 21/8/2019, anh đã yêu cầu chị Tr trả tiền Ngân hàng để lấy giấy đất ra để ngày 22/8/2019 làm thủ tục sang tên qua cho bà Ng và chị Tr đã lấy giấy đất ra nhưng ngày 22/8/2019 bà Ng không chịu ký hợp đồng chuyển nhượng nên anh đã yêu cầu chị Tr làm thủ tục sang tên phần đất này cho em vợ của anh tên Th và hiện nay Th đang đứng tên trên giấy chứng nhận đối với phần đất này từ đó cho đến nay. Th chỉ đứng tên thay cho anh vì anh và vợ của anh là giáo viên và đều là Đảng viên nên hàng năm phải kê khai tài sản nên anh nhờ Th đứng tên thay để tránh việc kê khai tài sản này. Phần đất này hiện anh đang quản lý và sử dụng.

Nay anh không đồng ý trả theo yêu cầu của bà Ng, vì bà Ng vi phạm thỏa thuận nên phải mất cọc, nếu bà Ng đồng ý nhận chuyển nhượng tiếp thì anh vẫn đồng ý.

Tại bản án sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 27/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Ng. Tuyên bố hợp đồng đặt cọc ngày 19/8/2019 giữa anh H với bà Ng là giao dịch dân sự vô hiệu. Buộc anh Trịnh Đức H phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim Ng số tiền đặt cọc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Kim Ng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002726, ngày 16/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Trịnh Đức H phải chịu 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 12/5/2020, anh Trịnh Đức H kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, tuyên anh không có trách nhiệm trả cọc lại cho nguyên đơn. Trường hợp nguyên đơn có thiện chí mua, hai bên sẽ tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo nội dung hợp đồng đặt cọc đã ký kết.

- Tại phiên tòa phúc thẩm.

+ Nguyên đơn: Anh Dương Nhật Đ, đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim Ng yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Ng, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Bị đơn anh Trịnh Đức H trình bày: Khi mua đất, bà Ng đã được xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải do anh đứng tên, nên hai bên thống nhất ký hợp đồng đặt cọc, việc bà Ng cho rằng không biết là không có căn cứ. Bà Ng cũng biết là đất này không tách thửa được, nên hợp đồng đặt cọc giữa anh với bà Ng là hợp pháp. Do bà Ng không đồng ý mua đất của anh nên anh không đồng ý trả tiền cọc cho bà Ng vì bà Ng mới là người vi phạm thỏa thuận. Nay anh vẫn đồng ý tiếp tục chuyển nhượng đất cho bà Ng nếu bà Ng yêu cầu.

Đồng thời anh H xuất trình người làm chứng là anh Lê Ngọc M. Anh M trình bày: Trưa ngày 19/8/2019, anh cùng anh H, bà Ng và bà Ng1 uống cà phê tại quán cà phê Bằng Lăng Tím (thành phố S), anh H và bà Ng có thỏa thuận việc mua đất tại thị trấn M. Anh H nói miếng đất này anh H không đứng tên. Anh H nhờ người em đứng tên dùm, anh H không nói tên người em là tên gì. Ngoài ra anh không nghe thỏa thuận gì khác.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Kháng cáo của anh H nộp trong thời hạn quy định pháp luật, có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, được xem là kháng cáo hợp lệ. Xét anh H là người có lỗi vì khi thỏa thuận đặt cọc để chuyển nhượng đất, anh không nói rõ với bà Ng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện đang thế chấp ngân hàng, anh H cũng không phải là người đứng tên phần đất, và phần đất này không tách thành 4 nền được, nhưng anh H lại nói với bà Ng là đất này tách thành 4 nền được. Việc anh H nói miệng có nhân chứng là bà Ngột chứng kiến. Do anh H là người có lỗi dẫn đến hợp đồng vô hiệu nên anh H có trách nhiệm trả lại tiền cọc cho bà Ng là phù hợp quy định pháp luật.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm .

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, anh H đã làm đơn kháng cáo trong thời hạn quy định, có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên được xem là kháng cáo hợp lệ và được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của anh H, không đồng ý trả tiền cọc cho bà Ng. Trường hợp bà Ng có thiện chí mua, hai bên sẽ tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo nội dung hợp đồng đặt cọc đã ký kết.

[2.2] Xét thấy, vào ngày 19/8/2019, giữa bà Ng và anh H có ký kết với nhau hợp đồng đặt cọc với số tiền đặt cọc là 200.000.000 đồng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ khi hai bên thực hiện hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 304, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại thị trấn M, huyện T, Đồng Tháp. Bà Ng, anh H thống nhất chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết về hợp đồng đặt cọc, không yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án “*tranh chấp Hợp đồng dân sự đặt cọc*” là đúng quy định tại Điều 328 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.3] Xét Hợp đồng đặt cọc giữa bà Ng và anh H đều được hai bên thừa nhận: Vào ngày 19/8/2019 (Dương lịch), giữa bà Ng và anh H ký “*Hợp đồng đặt cọc*” (Hợp đồng bằng giấy tay không có công chứng hoặc chứng thực), có nội dung anh H sẽ chuyển nhượng cho bà Ng phần đất diện tích 334m², thuộc thửa 304, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại thị trấn M, huyện T; Giá chuyển nhượng là 2.570.000.000 đồng, bà Ng đặt cọc số tiền là 200.000.000 đồng; Trong thời hạn 10 ngày, anh H phải làm thủ tục để chuyển nhượng thửa đất nói trên cho bà Ng, nếu anh H không hoàn thành các thủ tục để ký hợp đồng chuyển nhượng chính thức hoặc không có ý định chuyển nhượng cho bà Ng nữa thì anh H phải bồi thường gấp đôi tiền cọc cho bà Ng, nếu bà Ng không có nhu cầu nhận chuyển nhượng thửa đất nói trên thì bà Ng sẽ mất tiền cọc.

Tuy nhiên, theo bà Ng trình bày lý do yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng đặt cọc và yêu cầu anh H trả lại tiền đặt cọc trên, vì khi thỏa thuận chuyển nhượng, anh H nói phần đất này là của anh H, nhưng thực tế thì anh H không đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ngoài ra, anh H cam kết phần đất này sẽ tách ra được 04 nền nên nguyên đơn mới đồng ý nhận chuyển nhượng.

Đối với anh H cho rằng: Khi Hợp đồng đặt cọc với bà Ng, anh H đã nói với bà Ng biết phần đất này anh H đã nhận chuyển nhượng của chị Nguyễn Ngọc Kiều Tr. Do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chị Tr đang thế chấp cho

Ngân hàng nên chưa làm thủ tục sang tên qua cho anh H. Khi làm thủ tục sang tên sẽ sang tên trực tiếp cho bà Ng. Anh H không thừa nhận có nói với bà Ng phần đất sẽ tách được thành 4 thửa.

[2.4] Xét lời trình bày của anh H là không có căn cứ. Bởi lẽ, tại biên bản lấy lời khai ngày 19/02/2020, chị Đoàn Thị Ng1 (Tên thường gọi là: Ng1) trình bày: Tôi với anh H là bạn quen biết nhau, anh H có điện thoại cho tôi nói có miếng đất nhờ tôi xem có ai mua thì chỉ dùm. Tôi mới giới thiệu cho chị Ng mua. Khi thỏa thuận mua bán thì anh H nói miếng là đất này là của anh H và diện tích như vậy sẽ tách ra được 4 nền nên chị Ng mới đồng ý mua. Nhưng sau xem đất, phát hiện đất không tách được 4 nền nên bà Ng ngưng không thực hiện hợp đồng (Bút lục 28-29)

Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai ngày 14/02/2020, chị Tr trình bày: Chị có chuyển nhượng cho anh H phần đất nói trên với giá 2.370.000.000 đồng và thanh toán số tiền này làm 03 đợt, khi nào anh H giao đủ tiền thì chị làm thủ tục sang tên qua cho anh H thì anh H mới có quyền chuyển nhượng lại cho người khác (Bút lục 27).

[2.5] Như vậy, căn cứ vào lời khai của bà Ng1 và chị Tr, có đủ cơ sở khẳng định: Khi hai bên hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng đất, anh H đã thông tin không đầy đủ và không chính xác cho bà Ng biết về phần đất sẽ chuyển nhượng nên bà Ng tưởng là đất của anh H, trong hợp đồng chỉ ghi diện tích đất, thửa đất, địa chỉ phần đất mà không ghi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ai đứng tên; đồng thời bà Ng đồng ý nhận chuyển nhượng phần đất là do anh H nói với bà Ng phần đất này sẽ tách ra được 04 nền. Nhưng sau đó, bà Ng phát hiện phần đất chuyển nhượng không thể tách làm 04 nền như lời anh H nói, do đó bà Ng mới không đồng ý tiếp tục chuyển nhượng đất với anh H.

Căn cứ Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Khi một bên tham gia giao dịch dân sự do bị lừa dối hoặc bị đe dọa, cưỡng ép thì có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự đó là vô hiệu.*

Lừa dối trong giao dịch dân sự là hành vi cố ý của một bên hoặc của người thứ ba nhằm làm cho bên kia hiểu sai lệch về chủ thể, tính chất của đối tượng hoặc nội dung của giao dịch dân sự nên đã xác lập giao dịch đó...”

Từ những phân tích trên, xét thấy anh H là người có lỗi dẫn đến hợp đồng đặt cọc để bảo đảm thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Ng và anh H là vô hiệu.

Về việc giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu, căn cứ vào Điều 131 của Bộ luật dân sự quy định: *“1. Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập; 2. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục*

lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Trường hợp không thể hoàn trả được bằng hiện vật thì trị giá thành tiền để hoàn trả; 3. Bên ngay tình trong việc thu hoa lợi, lợi tức không phải hoàn trả lại hoa lợi, lợi tức đó; 4. Bên có lỗi gây thiệt hại thì phải bồi thường... ”. Như vậy, theo quy định trên thì đối với hợp đồng đặt cọc ngày 19/8/2019 giữa anh H với bà Ng là giao dịch dân sự vô hiệu, nên anh H phải có nghĩa vụ trả lại số tiền đặt cọc cho bà Ng là 200.000.000 đồng.

[2.6] Xét kháng cáo của anh H là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.7] Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.8] Xét bản án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2.9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên anh H phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự,

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, Điều 122, Điều 127, Điều 131, Điều 328 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trịnh Đức H.
- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 27/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện T.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Ng.

2. Tuyên bố hợp đồng đặt cọc ngày 19/8/2019 giữa anh H với bà Ng là giao dịch dân sự vô hiệu.

3. Buộc anh Trịnh Đức H phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim Ng số tiền đặt cọc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Kim Ng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002726, ngày 16/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Trịnh Đức H phải chịu 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Trịnh Đức H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0000545 ngày 14/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Anh H đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ĐT;
- Phòng KTNV - THA TA Tỉnh;
- VP TA Tỉnh;
- Tòa án nhân dân huyện T;
- Chi Cục THA DS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ VA (H).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh

